

OPPORTUNITIES AND CHALLENGES OF POPULATION AGING FOR THE RED RIVER DELTA AREA

Ho Dieu Huyen

Institute of African and Middle Eastern Studies

Email: huyendieuho0807@gmail.com

Received: 03/10/2022; Reviewed: 19/10/2022; Revised: 25/10/2022; Accepted: 31/10/2022; Released: 18/11/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/760>

The Red River Delta is one of the regions with the highest population aging index in the country (ranked second in the country, according to Census data, 2019). In this article, the author focuses on studying the current situation, opportunities and challenges of population aging in the Red River Delta. The study also predicts that population aging will also become a big problem if the provinces in this region do not prepare a good social security system for the elderly in the future.

Keywords: *Population aging; The elderly; The Red River Delta.*

1. Đặt vấn đề

Trong nhiều năm qua, mức sinh của Việt Nam đã giảm đáng kể, tuổi thọ trung bình ngày càng tăng, được xác định một phần là do thành công của công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Chính sự phát triển trong y học và sự cải thiện đời sống của người dân đã làm thay đổi cơ cấu dân số theo xu hướng trở nên già hoá. Hiện nay, dân số trên 60 tuổi của Việt Nam đang tăng lên nhanh chóng cả về tỷ lệ và số lượng trên tổng dân số quốc gia. Nguyên nhân chủ yếu là do tỷ suất sinh và tỷ suất chết giảm, cùng với tuổi thọ tăng. Năm 2018, chỉ số già hóa dân số đạt xấp xỉ 57%, tức là cứ 100 trẻ em dưới 15 tuổi thì có 57 người già từ 60 tuổi trở lên. Dự báo dân số cho thấy, chỉ số già hóa sẽ tăng mạnh trong những năm tới và đến năm 2035, con số này đạt gần 100%, tức là số người già bằng với số trẻ em. Đến năm 2038, nhóm dân số từ 60 tuổi trở lên khoảng hơn 21 triệu người, chiếm 20% tổng dân số và con số này là 27 triệu người, chiếm 25% tổng dân số vào năm 2050 (Tổng cục thống kê, 2018).

Bên cạnh đó, theo kết quả Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2019, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam là 73,6 tuổi; trong đó, tuổi thọ của nam giới là 71 tuổi, của nữ giới là 76,3 tuổi. Từ năm 1989 đến nay, tuổi thọ trung bình của Việt Nam liên tục tăng, từ 67,5 tuổi lên 73,6 tuổi trong giai đoạn 2000-2009, cao nhất trong các nước thuộc khu vực hạ lưu sông Mekong (World Bank, 2011) và từ 65,2 tuổi năm 1989 lên 73,6 tuổi năm 2019. Kết quả Tổng điều tra cũng cho thấy, dân số Việt Nam đang trong thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” khi mà cứ một người phụ thuộc thì có hai người trong độ tuổi lao động, trong đó tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm 7,7%. Tuy nhiên, do sự biến đổi về cơ cấu tuổi của dân số theo xu hướng tỷ trọng của trẻ em

dưới 15 tuổi giảm và tỷ trọng của dân số từ 60 tuổi trở lên tăng đã làm cho chỉ số già hóa có xu hướng tăng lên nhanh chóng trong hai thập kỷ qua. Chỉ số già hóa năm 2019 là 48,8%, tăng 13,3 điểm phần trăm so với năm 2009 và tăng hơn hai lần so với năm 1999. Chỉ số già hóa có xu hướng tiếp tục tăng lên trong những năm sắp tới. Trong 10 năm qua, tỷ số phụ thuộc chung của nước ta đã tăng 2,4 điểm phần trăm, chủ yếu là do tăng nhóm dân số từ 65 tuổi trở lên.

Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng là hai vùng có chỉ số già hóa dân số cao nhất cả nước (tương ứng là 58,5% và 57,4%). Tây Nguyên là nơi có chỉ số già hóa thấp nhất so với các vùng còn lại trên cả nước (28,1%) (Tổng điều tra dân số, 2019). Bởi vậy, việc nghiên cứu về thực trạng, cơ hội và thách thức của già hóa dân số tại khu vực đồng bằng sông Hồng là vô cùng cần thiết.

2. Tổng quan nghiên cứu

Theo Ủy ban Kinh tế và Xã hội Liên Hiệp Quốc khu vực châu Á và Thái Bình Dương (UN ESCAP, 2017), dân số bắt đầu già hóa khi tỷ lệ người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên trong tổng dân số đạt hơn 10%. UNFPA (2012) cũng cho rằng, dân số được gọi là già hóa khi người cao tuổi chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong toàn bộ dân số, cụ thể: tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên chiếm 10% hoặc tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên chiếm 7% tổng dân số. Tỷ suất sinh giảm và tuổi thọ tăng là hai yếu tố dẫn đến già hóa dân số. Thu và cộng sự (2021) trong công trình nghiên cứu của mình đã khẳng định, già hóa dân số là hiện tượng dân số phân bố theo hướng gia tăng tỷ lệ người cao tuổi do tỷ suất sinh giảm và tuổi thọ tăng lên. Khẳng định này tương đồng với (Haupt & Kane, 2000). Nhóm tác giả cũng đưa ra quan điểm rằng, già hóa dân số được biết đến như là sự già

hóa của dân số do sự gia tăng tỷ trọng của dân số già hoặc giảm tỷ trọng của dân số trẻ em trong tổng dân số. Fu (2013) thì thừa nhận rằng dân số của một quốc gia đang già đi hoặc trong tình trạng già hóa khi tỷ lệ dân số người cao tuổi tăng và tỷ lệ dân số trẻ em giảm, nguyên nhân là do tuổi thọ tăng và tỷ lệ sinh giảm.

Ở Việt Nam, tỷ lệ dân số già từ 60 tuổi trở lên trong tổng dân số sẽ đạt trên 10% vào năm 2017, nghĩa là Việt Nam đã bước vào giai đoạn già hóa dân số từ năm 2017 trở đi (Tổng cục Thống kê, 2011). Già hóa dân số một mặt thể hiện những thành tựu vượt bậc trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống và tiến bộ y tế ở các quốc gia, mặt khác đặt ra nhiều thách thức đối với kinh tế- xã hội (Thu và cộng sự, 2021). Trong nghiên cứu của mình mang tên “Cơ hội và thách thức của già hóa dân số cho sự phát triển bền vững ở Việt Nam”, trên cơ sở so sánh với quá trình già hóa dân số ở các nước phát triển, tác giả Hà (2018) đã chỉ ra ba đặc điểm cơ bản khác biệt trong già hóa dân số ở Việt Nam, bao gồm: quá trình chuyển đổi già hóa nhanh và quy mô dân số của người cao tuổi là rất lớn; già hóa dân số đang đi trước sự phát triển kinh tế; tỷ lệ người cao tuổi trong nhóm tuổi 70-79 và nhóm tuổi trên 80 (80+) tăng nhanh, nhưng thấp hơn so với tỷ lệ người cao tuổi trong nhóm tuổi 60-69.

Cùng với đó, việc thiếu hụt lao động có tay nghề; gánh nặng kinh tế về phúc lợi và chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi; lực lượng lao động đang trở nên già đi và tiến bộ công nghệ sẽ bị hạn chế; tiềm năng của phát triển kinh tế giảm và tốc độ phát triển bị hạn chế; cấu trúc gia đình đang co lại và chức năng hỗ trợ gia đình trở nên yếu; nhu cầu chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đang mở rộng và áp lực chi phí y tế sẽ gia tăng; tác động tiêu cực của già hóa dân số đến khía cạnh thể chất và tâm lý của người cao tuổi cũng được Hà (2018) xác định là những thách thức

chính của già hóa dân số, đặc biệt đối với sự phát triển bền vững kinh tế và xã hội ở Việt Nam. Trên cơ sở những phân tích nêu trên, bài nghiên cứu này, sẽ đi sâu vào việc phân tích thực trạng già hóa dân số ở khu vực đồng bằng sông Hồng trong giai đoạn hiện nay. Từ đó, tác giả sẽ chỉ ra những cơ hội và thách thức của vấn đề này tại khu vực nghiên cứu.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết chủ yếu sử dụng các phương pháp như: Phương pháp tổng hợp, phân tích tài liệu thứ cấp, tập trung vào các công trình nghiên cứu, các báo cáo có liên quan từ nhiều nguồn tài liệu có uy tín, đáng tin cậy như: UNFPA, Tổng cục thống kê, World Bank... nhằm làm rõ những nội dung nghiên cứu của bài viết. Trên cơ sở tổng hợp, phân tích tài liệu, bài viết tập trung tìm hiểu về thực trạng, cơ hội và thách thức của già hóa dân số tại khu vực đồng bằng sông Hồng.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng già hóa dân số ở khu vực Đồng bằng sông Hồng

Việt Nam đã chính thức bước vào thời kỳ già hóa dân số. Trong 10 năm qua, dân số cả nước tăng thêm khoảng 11 triệu người, trong đó 4 triệu người ở nhóm người cao tuổi. Tỷ lệ người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên) đã chiếm hơn 10% tổng dân số. Trong số 4 triệu người cao tuổi tăng lên thì phần lớn là những người trong nhóm sơ lão (60-69 tuổi) (Vũ, 2020). Theo UN Women (2021), tuổi thọ của người Việt Nam xấp xỉ 74 tuổi. Song mức tử vong của nam giới thường cao hơn nữ giới ở mọi độ tuổi, nên tuổi thọ của nam giới bình quân chỉ đạt 71 tuổi so với nữ giới là trên 76 tuổi. Do đó, hàng triệu phụ nữ cao tuổi nhiều khả năng rơi vào tình trạng sống một mình, nên các chương trình bảo trợ xã hội và chăm sóc sức khỏe cần tổ chức tốt hơn để chăm sóc người cao tuổi tại nhà, đặc biệt là nông thôn và vùng nghèo.

Bảng 1. Cơ cấu dân số người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 1979-2017 và dự báo đến năm 2030

Đơn vị: Phần trăm (%)

	Năm 1979	Năm 2009	Năm 2014	Năm 2017	Năm 2030 (Dự báo)	
Nhóm người cao tuổi	60-64 tuổi	2,29	2,3	3,05	3,73	5,28
	65-69 tuổi		1,8	2,11	2,41	4,57
	70-74 tuổi	4,83	1,6	1,61	1,71	3,46
	75-79 tuổi		1,4	1,36		
	Trên 80 tuổi		1,5	2,01	3,1	3,45
Các nhóm tuổi khác	92,88	91,4	89,86	89,05	83,24	
Tổng	100	100	100	100	100	

Nguồn. Tổng cục Thống kê, Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam, các năm 1979, 2009, 2014, 2017, dự báo năm 2030 (dự báo được đưa ra vào năm 2017)

Dân số cao tuổi không phân bố đồng đều trên cả nước và mức độ già hóa dân số khác nhau tùy từng vùng, miền. Ở nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước, tỷ lệ người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên đã vượt 10% trên

tổng số dân, đặc biệt là tại các tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng sông Hồng như: Hà Nội (10,0%), Hải Phòng (10,3%), Thái Bình (14%),... (Mai, 2011).

Bảng 2. Phân bố dân số cao tuổi theo vùng giai đoạn 1992-2008

(Đơn vị: Phần trăm (%))

Vùng	Năm	1992/93	1997/98	2002	2004	2006	2008
Đồng bằng sông Hồng		23,95	23,78	25,35	25,78	25,64	25,41
Đông Bắc		13,11	13,73	10,89	10,46	10,03	10,39
Tây Bắc		1,83	1,73	2,13	1,93	1,71	1,43
Bắc Trung Bộ		13,00	14,48	13,87	12,59	12,92	15,20
Nam Trung Bộ		10,89	8,68	9,79	9,93	9,62	8,64
Tây Nguyên		2,03	1,85	4,01	3,40	3,82	3,07
Đông Nam Bộ		13,61	15,56	14,00	15,37	15,63	14,92
Đồng bằng sông Cửu Long		21,52	20,20	19,94	20,55	20,63	20,95

Nguồn. Điều tra mức sống dân cư (hộ gia đình) 1992/93-2008, UNFPA

Trong giai đoạn 1992-2008, sự khác biệt giữa các khu vực trong cả nước về già hóa dân số dao động từ mức cao 25,41% (năm 2008) ở Đồng bằng sông Hồng xuống mức thấp 1,43% so với ở khu vực Tây Bắc. Có thể thấy, Đồng bằng sông Hồng luôn là một trong số những vùng dẫn đầu cả nước về số lượng người cao tuổi. Bên cạnh đó, người cao

tuổi ở khu vực Đồng bằng sông Hồng chủ yếu sống tập trung ở các vùng nông thôn và ven các thành phố lớn. Nguồn thu nhập chính của họ chủ yếu phụ thuộc vào trợ cấp của con cháu, quỹ an sinh xã hội của nhà nước hoặc thu nhập từ hoạt động nông nghiệp, công việc bán thời gian...

Bảng 3. Cơ cấu lao động theo nhóm tuổi của khu vực Đồng bằng sông Hồng năm 2016

Tuổi thọ trung bình	Tỷ lệ thất nghiệp				Tỷ lệ thiếu việc làm			
	Chung	15-24 tuổi	25-49 tuổi	Trên 50 tuổi	Chung	15-24 tuổi	25-49 tuổi	Trên 50 tuổi
74,6	2,24%	9,69%	1,32%	0,65%	1,05%	1,83%	0,89%	1,13%

Nguồn. Tổng cục Thống kê, 2016

Bảng 4. Chỉ tiêu về cơ cấu dân số Việt Nam phân theo vùng kinh tế

Đơn vị hành chính	Tỷ lệ dân số thành thị (%)	Tỷ số giới tính (Nam/100 nữ)	Tỷ số phụ thuộc chung (%)	Chỉ số già hóa dân số (%)	Tỷ trọng dân số 15-64 tuổi (%)
Toàn quốc	34,3	96,7	46,6	50,1	68,2
Thành Thị	34,3	93,9	42,4	54,3	70,2
Nông thôn		98,2	48,9	48,1	67,1
Vùng kinh tế xã hội					
Trung du và miền núi phía Bắc	18,3	99,1	51,3	35,4	66,1
Đồng bằng sông Hồng	35,7	96,1	50,2	62,5	66,6
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	28,7	96,7	49,5	54,8	66,9
Tây Nguyên	29,1	100,5	50,4	28,4	66,5
Đông Nam Bộ	63,0	93,7	37,4	44,7	72,8
Đồng bằng sông Cửu Long	25,1	97,4	44,3	54,4	69,3

Nguồn. Tổng cục Thống kê, 2016

Tính theo vòng đời, một người Việt Nam điển hình bắt đầu có thu nhập từ năm 14 tuổi, sau đó thu nhập bắt đầu tăng nhanh trong độ tuổi từ 15 tuổi đến 63 tuổi, giảm nhanh vào độ tuổi 64 và bằng 0 khi bước vào độ tuổi 90. Đồng thời, chi tiêu của một người Việt Nam điển hình tăng nhanh từ 0 đến 20 tuổi và bắt đầu có xu hướng tăng chậm lại, ổn định trong độ tuổi từ 21 tuổi - 45 tuổi và giảm dần trong độ tuổi 46 tuổi - 90 tuổi (UNFPA và Viện Nghiên cứu Chiến lược phát triển Việt Nam, 2016). Bảng 3 cho thấy, năm 2016, tại khu vực Đồng bằng sông Hồng, so với các nhóm tuổi khác, nhóm trên 50 tuổi có tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất (0,65%) và tỷ lệ thiếu việc làm thấp nhất thuộc về nhóm 25 tuổi - 49 tuổi (0,89%), tức là nhóm đang trong độ tuổi lao động. Khu vực này cũng nằm trong nhóm có các chỉ tiêu về cơ cấu dân số cao hơn xu hướng chung của cả nước.

Phân loại chuẩn của Liên hợp quốc đưa ra quy định, hiện tượng “già hóa” có thể được xem xét qua

tỷ trọng của nhóm dân số già (thường từ 65 tuổi trở lên). Việc lựa chọn mốc tuổi để xác định nhóm dân số già (từ số) là phụ thuộc vào đặc điểm riêng của từng quốc gia, có thể là do sự khác biệt về tuổi nghỉ hưu, quan niệm về vai trò của người già trong xã hội, tuổi thọ của dân số... Một dân số được xem là có xu hướng “già hóa” nếu tỷ trọng của nhóm dân số từ 65 tuổi trở lên chiếm từ 7% tới 10% tổng dân số. Chỉ số già hoá được biểu thị bằng số người từ 60 tuổi trở lên trên 100 người dưới 15 tuổi. Tỷ số phụ thuộc người già biểu thị bằng số người từ 65 tuổi trở lên trên 100 người ở nhóm tuổi 15-64 tuổi (Tổng cục thống kê, 2017).

Về chỉ số già hoá dân số, các số liệu phân tích cũng chỉ ra rằng, Đồng bằng sông Hồng có chỉ số già hoá dân số đứng thứ hai cả nước (chỉ số già hóa là: 57,4%), chỉ sau Đồng bằng sông Cửu Long (58,5%). Trong đó, khu vực nông thôn có chỉ số già hóa dân số cao hơn khu vực thành thị. Cụ thể:

Bảng 5. Chỉ số già hoá theo vùng kinh tế - xã hội năm 2019

(Đơn vị: Phần trăm (%))

	Tổng số	Thành thị	Nông thôn
Toàn quốc	48,8	50,8	47,9
Trung du và miền núi phía Bắc	36,3	49,1	33,7
Đồng bằng sông Hồng	57,4	56,4	58,0
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	52,2	50,8	52,7
Tây Nguyên	28,1	36,1	25,4
Đông Nam Bộ	42,8	45,3	39,2
Đồng bằng sông Cửu Long	58,5	60,3	57,9

Nguồn. Tổng cục Thống kê, 2019

Bảng 6. Dự báo tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh của khu vực Đồng bằng sông Hồng đến năm 2039

Đơn vị hành chính	Dự báo tuổi thọ bình quân tính từ lúc sinh							
	Nam				Nữ			
	2019-2024	2024-2029	2029-2034	2034-2039	2019-2024	2024-2029	2029-2034	2034-2039
Hà Nội	73,3	73,8	74,3	74,8	78,2	78,6	79,0	79,4
Hải Phòng	72,3	72,8	73,3	73,8	77,5	78,0	78,4	78,8
Hải Dương	72,5	73,0	73,5	74,0	77,6	78,0	78,4	78,8
Bắc Ninh	71,9	72,4	72,9	73,4	77,1	77,6	78,0	78,4
Vĩnh Phúc	71,9	72,4	72,9	73,4	77,1	77,6	78,0	78,4
Hưng Yên	72,2	72,7	73,2	73,7	77,4	77,9	78,3	78,7
Thái Bình	73,2	73,7	74,2	74,7	78,1	78,5	78,9	79,3
Nam Định	72,0	72,5	73,0	73,5	77,3	77,8	78,2	78,6
Hà Nam	72,3	72,8	73,3	73,8	77,5	78,0	78,4	78,8
Ninh Bình	71,3	71,8	72,3	72,8	76,6	77,1	77,6	78,0
Quảng Ninh	71,0	71,5	72,0	72,5	76,4	76,9	77,4	77,9

Nguồn. Tổng cục Thống kê và UNFPA, 2014

Trong các tỉnh Đồng bằng sông Hồng thì thành phố Hà Nội là khu vực có chỉ số già hoá dân số cao nhất cả nước. Theo báo cáo của Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình Hà Nội, tỷ lệ già hoá dân số ở Hà Nội tăng gấp đôi trong vòng chưa tới 20 năm qua và hiện tuổi thọ trung bình của người dân Hà Nội ở mức cao nhất cả nước (trên 75 tuổi). Đây là một kết quả tích cực rất đáng ghi nhận, song đi cùng với nó là những thách thức đặt ra trong công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, đảm bảo an sinh xã hội...

Có thể thấy, dự báo tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh của khu vực Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2019-2039 không có sự chênh lệch nhiều giữa các tỉnh thành trong khu vực và đều được dự báo sẽ tăng tuổi thọ trong các năm tới. Trong đó, nữ giới có tuổi thọ trung bình cao hơn nam giới. Hà Nội và Thái Bình là hai địa phương có tuổi thọ trung bình cao nhất. Bắc Ninh và Vĩnh Phúc là những tỉnh có tỷ lệ tăng tương tự nhau.

Khu vực Đồng bằng sông Hồng cũng là nơi tập trung nhiều thành phố lớn và là trung tâm kinh tế - chính trị - văn hoá - xã hội của cả nước. Trong bối cảnh già hóa dân số, người cao tuổi càng cần được quan tâm, chăm sóc cả về thể chất và tinh thần. Một số tỉnh trong khu vực thường xuyên có những chính sách chăm lo đời sống cho người cao tuổi, đặc biệt những chính sách này được đánh giá là mở rộng hơn về nhóm đối tượng thụ hưởng và hình thức, phương thức hoạt động so với những chính sách chung của Đảng và Nhà nước.

Vào tháng 4 năm 2018, tỉnh Bắc Ninh đã ban hành một số chế độ, chính sách đãi ngộ người cao tuổi ở tỉnh, như: hỗ trợ 100% kinh phí tham gia bảo hiểm y tế hằng năm đối với người từ 65 tuổi đến dưới 80 tuổi và chưa tham gia bảo hiểm y tế theo các đối tượng khác. Nhiều địa phương trên địa bàn đã trích ngân sách hỗ trợ người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa một khoản tiền cố định hằng tháng nhằm giúp họ ổn định cuộc sống. Cấp ủy, chính quyền nhiều địa phương cũng đã hình thành nề nếp thăm hỏi, tôn vinh người cao tuổi thông qua việc họ, việc làng, việc xã. Một số địa phương, dòng họ đã nêu cao truyền thống hiếu nghĩa bằng việc ghi vào hương ước làng quê trách nhiệm phụng dưỡng bố mẹ già của con cháu (Anh, 2018).

Còn Nam Định thì đã xây dựng được 204 quỹ chăm sóc người cao tuổi trên tổng số 209 xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh. Trong đó, một số huyện có số dư quỹ cao như Trực Ninh, Giao Thủy, Nghĩa Hưng, Xuân Trường,... Ngoài ra, tỉnh còn kêu gọi, vận động các nguồn xã hội hóa tham gia đóng góp và xây dựng một số quỹ khác như: “Quỹ phụng dưỡng ông bà, cha mẹ”, “Quỹ toàn dân chăm sóc người cao tuổi”... Qua đó góp phần nâng cao

đời sống vật chất và tinh thần cho người cao tuổi trên địa bàn tỉnh.

Với 12,5% dân số trên 60 tuổi, điểm đặc biệt trong công tác chăm sóc người cao tuổi tại thành phố Hải Phòng là sự phát huy vai trò của các phương tiện truyền thông đại chúng. Hội người cao tuổi tại đây đã tích cực phối hợp với đài, báo địa phương xây dựng chuyên trang “Tuổi cao - Gương sáng” nhằm thông tin, giới thiệu những tấm gương người cao tuổi điển hình, tiên tiến trong các công tác cộng đồng, giữ gìn tình làng nghĩa xóm, gia đình hòa thuận hay tích cực tham gia vào hoạt động lao động – sản xuất. Năm 2019, 18.000 tờ báo Người cao tuổi và 20.000 ấn phẩm tuyên truyền đã được thành phố phân phát đến từng địa phương, qua đó cung cấp những kiến thức, thông tin chính xác cho người cao tuổi. Đây là việc làm thể hiện sự quan tâm của chính quyền thành phố đến đến công tác chăm sóc và phát huy vai trò của nhóm đối tượng này.

Năm 2012, tỉnh Vĩnh Phúc đã xây dựng kế hoạch triển khai đề án “Tư vấn, chăm sóc người cao tuổi dựa vào cộng đồng” thí điểm tại 06 xã thuộc 03 huyện, thành phố. Đến cuối năm 2020, Đề án đã triển khai duy trì và mở rộng trên địa bàn 112 xã, thị trấn thuộc 9 huyện, thành phố với nhiều hoạt động thiết thực như: Tổ chức tập huấn cung cấp kiến thức, kỹ năng tư vấn và chăm sóc người cao tuổi cho đội ngũ tình nguyện viên, hội người cao tuổi xã, huyện; In ấn và cấp phát tài liệu chăm sóc sức khỏe sinh sản cho người cao tuổi; xây dựng pa nô, áp phích có nội dung tuyên truyền về chăm sóc người cao tuổi; tổ chức phát thanh, tuyên truyền trên loa truyền thanh xã về chăm sóc người cao tuổi, chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến người cao tuổi, vai trò, sự cống hiến của người cao tuổi trong mọi mặt của cuộc sống, xã hội nói chung và trong việc khuyến bảo con cháu thực hiện tốt chính sách Dân số - kế hoạch hoá gia đình, trách nhiệm của cá nhân, gia đình và xã hội trong việc chăm sóc người cao tuổi, những kiến thức cơ bản về chăm sóc người cao tuổi; Duy trì câu lạc bộ người cao tuổi giúp người cao tuổi như tổ chức hình thức sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, thể thao và vui chơi giải trí với nội dung phù hợp, đồng thời cung cấp kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, thực hiện và hỗ trợ thực hiện về tư vấn và chăm sóc người cao tuổi; Xây dựng và duy trì hoạt động của mạng lưới tình nguyện viên hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi tại địa bàn... Nhờ vậy, đời sống thể chất và tinh thần của người cao tuổi ở đây được cải thiện rõ rệt, chất lượng cuộc sống không ngừng được nâng cao (Hương, 2020).

Có thể thấy, những chính sách được các tỉnh, thành phố trong khu vực Đồng bằng sông Hồng đưa ra mang tính bao phủ rộng, chứ không chỉ tập trung

vào nhóm đối tượng đặc thù như người cao tuổi neo đơn, có hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, nhóm từ 80 tuổi trở lên,... Từ đó góp phần giảm gánh nặng xã hội, phát huy vai trò của xã hội hóa và sự tích cực, chủ động của gia đình và cộng đồng trong việc đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người cao tuổi.

4.2. Cơ hội và thách thức của già hóa dân số đối với khu vực Đồng bằng sông Hồng

4.2.1. Thách thức

Cũng giống như việc gia tăng dân số, dân số già hóa cũng gây ra những thách thức về mặt xã hội, kinh tế và văn hóa cho các cá nhân, gia đình, xã hội và cộng đồng.

Đa phần người cao tuổi ở khu vực này không có tích lũy vật chất, 70% vẫn phải làm việc kiếm sống, trong khi người cao tuổi rất dễ bị tổn thương với những rủi ro kinh tế, xã hội khi con cái không có việc làm và cuộc sống không ổn định. Họ chủ yếu sống dựa vào sự chăm sóc của xã hội, người thân trong gia đình hoặc tự làm việc mà không có hỗ trợ. Một lượng lớn người cao tuổi đang sống phụ thuộc về kinh tế và mắc nhiều bệnh mãn tính. Tỷ số phụ thuộc của khu vực Đồng bằng sông Hồng năm 2016 là 50,2% (Bảng 4). Điều đó có nghĩa rằng, sẽ có nhiều hơn dân số người cao tuổi cần sự hỗ trợ của một số lượng ít hơn dân số trong độ tuổi lao động. Điều này chắc chắn sẽ dẫn đến sự gia tăng chi tiêu cho việc phân phối lại, do đó, gánh nặng kinh tế và xã hội sẽ gia tăng.

Bên cạnh đó, Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Bắc Ninh... là nơi có nhiều ngành công nghiệp tập trung nhất của khu vực, đặc biệt là tại các thành phố lớn. Điều đó cũng dẫn đến thực trạng số lượng lớn người lao động trong độ tuổi lao động di cư từ nông thôn ra thành phố tìm kiếm việc làm. Nhiều làng quê chỉ còn người già và trẻ em. Lúc này, người cao tuổi lại trở thành lao động chính ở nông thôn. Nhóm dân số già không khỏe mạnh và không có thu nhập sẽ buộc Chính quyền các tỉnh Đồng bằng sông Hồng phải có sự phân bổ chi tiêu hợp lý, dành những khoản chi tiêu lớn để hỗ trợ, đảm bảo ổn định cuộc sống người cao tuổi. Di cư cũng dẫn đến thách thức đối với cấu trúc gia đình. Lúc này, chức năng hỗ trợ và vai trò của nhóm người cao tuổi trở nên yếu hơn.

Cùng với đó, tỷ lệ lao động trong nông nghiệp cao nhưng diện tích đất nông nghiệp ngày càng thu hẹp do quá trình đô thị hóa và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, dẫn đến gia tăng tình trạng thiếu việc làm cho lao động trong khu vực nói chung và lao động là người cao tuổi nói riêng. Họ không có sự đa dạng trong việc lựa chọn nghề nghiệp.

Già hóa dân số còn gây áp lực tài chính trong việc thiết lập các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đặc

biệt là chăm sóc sức khỏe dài hạn cho người cao tuổi. Vùng nông thôn Đồng bằng sông Hồng là nơi chịu ảnh hưởng nặng nề hơn cả, bởi khu vực này có tỷ lệ người cao tuổi cao nhưng lại có ít cơ sở chăm sóc sức khỏe, nhất là cơ sở chăm sóc chuyên biệt cho người cao tuổi.

Giai đoạn vừa qua, thế giới phải hứng chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19 và vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, trong đó khu vực Đồng bằng sông Hồng trong nhiều khoảng thời gian trở thành tâm dịch của cả nước như tại Bắc Ninh, Hà Nội,... Số ca mắc mới không ngừng tăng cao, các cơ sở khám chữa bệnh quá tải, hoạt động kinh tế-xã hội bị ngưng trệ trong một thời gian dài, nhất là trong khoảng thời gian thực hiện giãn cách xã hội. Điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống của người cao tuổi cũng như hoạt động chăm sóc người cao tuổi trên địa bàn.

Già hóa dân số cũng dẫn đến những tác động về nhu cầu hàng hóa, dịch vụ, giáo dục, an sinh xã hội... cũng như tình trạng thiếu hụt lực lượng lao động trong độ tuổi lao động, do đó làm giảm sức cạnh tranh của nền kinh tế khu vực Đồng bằng sông Hồng.

4.2.2. Cơ hội

Bên cạnh những thách thức, già hóa dân số cũng đem đến một số thuận lợi cho việc phát triển kinh tế-xã hội của khu vực. Việt Nam nói chung và khu vực Đồng bằng sông Hồng nói riêng, được đánh giá là khu vực luôn thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, đặc biệt đối với những đối tượng yếu thế trong xã hội như người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em, lao động làm việc trong khu vực phi chính thức,... Trong giai đoạn 2012-2020, các tỉnh, thành phố thuộc khu vực đồng bằng sông Hồng đều có sự phát triển về số người tham gia bảo hiểm xã hội, góp phần vào việc thực hiện mục tiêu của Trung ương về phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội trên toàn quốc. Người trên 80 tuổi thuộc diện hưởng chính sách bảo trợ xã hội sẽ được ngân sách nhà nước đóng và cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí. Người trên 60 tuổi tại thành phố Hà Nội được miễn phí dịch vụ khi tham gia di chuyển bằng xe buýt. Giai đoạn 2019-2022, trước tác động mạnh mẽ của đại dịch Covid-19, nhóm chính sách an sinh xã hội đã đảm bảo đời sống cho người dân trong khu vực, giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch. Thời điểm thực hiện giãn cách xã hội để phòng, chống dịch bệnh cũng là khoảng thời gian con cháu dành nhiều thời gian hơn để chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần cho người cao tuổi. Sự quây quần thường xuyên của các thành viên trong gia đình đã khiến người cao tuổi vui vẻ, hạnh phúc hơn.

Để chăm sóc người cao tuổi, tất cả các vấn đề từ giáo dục, đào tạo, an sinh xã hội, y tế, kinh tế đến

thiết kế xây dựng nhà ở, đường sá, các phương tiện hỗ trợ người già, đào tạo điều dưỡng, bác sĩ... đều cần những hướng phát triển riêng. Tại Úc, có những tập đoàn lớn với khoảng tám công ty con phục vụ nhu cầu rất riêng cho người cao tuổi và đã xuất khẩu công nghệ này sang Trung Quốc. Dân số già hóa tác động mạnh đến mối quan hệ gia đình, lối sống, thị trường lao động, tài chính, nhu cầu về hàng hóa, dịch vụ, giáo dục và chăm sóc sức khỏe,... Đây chính là cơ hội để doanh nghiệp đóng tại khu vực Đồng bằng sông Hồng nghiên cứu, nhằm phát triển những lĩnh vực phục vụ nhu cầu, lợi ích của người cao tuổi và người thân của họ. Phương thức này sẽ là mảnh đất màu mỡ để khai thác, nhất là khi trong khu vực còn thiếu nhiều doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này.

Bên cạnh đó, những kiến thức, kinh nghiệm, sự uy tín, từng trải đã được tích lũy trong quá trình sống và làm việc khiến người cao tuổi được coi là nguồn lực quý giá của xã hội. Ở độ tuổi 60 -70 tuổi, nhiều người cao tuổi vẫn còn sức khỏe và sự minh mẫn, họ vẫn là lực lượng tham gia vào hoạt động kinh tế và tạo ra thu nhập, đặc biệt là tại các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh... Một số lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề cao và sức khỏe vẫn đảm bảo còn được khuyến khích tiếp tục làm việc, đóng góp cho cơ quan, doanh nghiệp. Đồng bằng sông Hồng cũng là nơi có nhiều ngành nghề, lĩnh vực kinh tế phù hợp với nhóm tuổi này như: giúp việc gia đình, kinh doanh, buôn bán, nghiên cứu viên, giáo viên, bác sĩ,... Một số lượng lớn người cao tuổi, đặc biệt là tại các vùng đô thị tích cực tham gia vào các hội, nhóm, câu lạc bộ, các hoạt động cộng đồng hay giữ các trọng trách quan trọng trong tổ hòa giải, hội người cao tuổi địa phương,... qua đó đem đến các tác động tích cực cho xã hội.

Do đó, người cao tuổi, cũng là đối tượng góp phần phát triển kinh tế-xã hội. Bởi vậy, với nhóm đối tượng này, vấn đề quan trọng nhất là sự quan tâm về tinh thần và phát huy vai trò của họ trong đời sống - xã hội.

5. Thảo luận

Qua những phân tích ở trên, có thể thấy rằng, không nên có đánh giá, quan điểm nhìn nhận người cao tuổi là gánh nặng cho gia đình, xã hội và già hóa dân số chỉ đem đến thách thức cho nền kinh tế quốc gia. Già hóa là một thành tựu của quá trình phát triển. Con người sống lâu hơn nhờ được đáp ứng tốt các điều kiện về chế độ dinh dưỡng, vệ sinh, tiên bộ y học, chăm sóc y tế, giáo dục và đời sống kinh tế... Vậy, chúng ta cần phải làm gì để tận dụng và phát huy cơ hội, tối đa hóa lợi ích của già hóa dân số, đồng thời khắc phục, giảm thiểu và vượt qua những

thách thức của cơ cấu dân số vàng và vấn đề già hóa dân số nhanh chóng?

Khoản 1, Điều 25 Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền (Liên hợp quốc, 1948) quy định: “Ai cũng có quyền được hưởng một mức sống khả quan về phương diện sức khỏe và an lạc cho bản thân và gia đình, kể cả thức ăn, quần áo, nhà ở, y tế và những dịch vụ cần thiết; ai cũng có quyền được hưởng an sinh xã hội trong trường hợp thất nghiệp, đau ốm, tật nguyền, góa bụa, già yếu, hay thiếu phương kế sinh nhai do những hoàn cảnh ngoài ý muốn”.

Vì vậy, cần có những chính sách để đảm bảo thích ứng với già hóa dân số. Trong đó, cần cải thiện công tác chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi và hệ thống an sinh xã hội, cũng như những chính sách lao động cho nhóm vẫn đang tham gia hoạt động kinh tế, giúp họ giải quyết các vấn đề về xã hội và nâng cao thu nhập. Bên cạnh đó, cần quan tâm hơn nữa đến việc tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và khả năng làm việc cho đội ngũ trực tiếp vận hành dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi như điều dưỡng viên, cán bộ công tác xã hội, doanh nghiệp xã hội, ...

Ngoài ra, là một khu vực dẫn đầu cả nước về chỉ tiêu phát triển kinh tế, Đồng bằng sông Hồng cần có những chính sách nhằm tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp xã hội, các quỹ phúc lợi xã hội, khuyến khích các đơn vị sử dụng lao động tạo việc làm và môi trường làm việc phù hợp với năng lực và sức khỏe người cao tuổi,... Qua đó giảm bớt gánh nặng cho nhà nước, tạo ra nhiều cơ hội để người cao tuổi được hưởng sự quan tâm và chế độ chăm sóc tốt nhất.

6. Kết luận

Như vậy, mặc dù Đồng bằng sông Hồng là một trong những khu vực có chỉ số già hoá dân số cao nhất cả nước, nhưng già hóa dân số không chỉ đem đến những thách thức mà còn tạo ra nhiều cơ hội phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực. Dự báo cho thấy, già hóa dân số ở Đồng bằng sông Hồng tiếp tục tăng rất nhanh trong thời gian tới và sẽ trở thành vấn đề lớn nếu các tỉnh trong khu vực này không chuẩn bị trước một hệ thống an sinh xã hội thật tốt dành cho người cao tuổi. Do đó, cần có những chính sách phù hợp để đảm bảo thích ứng với già hóa dân số là bài toán phải giải quyết, góp phần phát triển bền vững ở khu vực này trong bối cảnh hội nhập toàn cầu hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Anh, L. T. (2018). Chăm lo đời sống người cao tuổi. *Báo điện tử Nhân dân*. Web: <https://nhandan.com.vn/>, truy cập ngày 27/5/2022.
- Fu, J. (2013). *The impact of population ageing on economy: Evidence from China and Japan*. Dissertation, Doctor of Philosophy. Japan: Tohoku University.
- Hà, N. T. (2018). Cơ hội và thách thức của già hóa dân số cho sự phát triển bền vững ở Việt Nam. *JABES năm thứ 29 (10)*, 65-88.
- Haupt, A., & Kane, T. T. (2000). *Population Reference Bureau's Population Handbook (4th ed.)*. Washington, DC.
- Hương, N. (2020). Hoạt động chăm sóc người cao tuổi tại tỉnh Vĩnh Phúc. *Công thông tin - giao tiếp điện tử tỉnh Vĩnh Phúc*. Web: <https://vinhphuc.gov.vn/>, truy cập ngày 24/7/2022.
- Liên hợp quốc. (1948). *Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền*. Khoản 1, Điều 25.
- Liên hợp quốc. (2015). *Báo cáo dân số thành thị và nông thôn theo độ tuổi và giới tính, giai đoạn 1980-2015*.
- Mai, T. (2011). Già hoá dân số và những thách thức. *Báo điện tử Nhân dân*. Web: <https://nhandan.com.vn/>, truy cập ngày 24/7/2022.
- Thu, N. T. H., Anh, P. P., Trang, B. H., Hằng, P. T., Vân, C. H. (2021). Tác động của già hóa dân số đến chỉ tiêu công: Nghiên cứu với dữ liệu mảng cấp quốc gia. *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng, số 227* (Tháng 4. 2021).
- Tổng cục Thống kê. (2011). *Population Projections for Vietnam 2009-2049*. <https://www.gso.gov.vn/>
- Tổng cục Thống kê. (2016). *Niên giám thống kê về dân số và việc làm năm 2016*.
- Tổng cục Thống kê. (2017). *Kết quả chủ yếu điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 01/04/2016*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
- Tổng cục Thống kê. (2019). *Tổng điều tra dân số năm 2019*.
- Tổng cục Thống kê & UNFPA. (2014). *Dự báo dân số Việt Nam 2014-2049*.
- UN Women. (2021). *Báo cáo Tổng quan về Bình đẳng giới năm 2021*.
- UN ESCAP. (2017). *Addressing the Challenges of Population Ageing in Asia and the Pacific*. Bangkok, Thailand: United Nations. <https://repository.unescap.org/>
- UNFPA. (2012). *Già hoá trong thế kỷ 21: Thành tựu và thách thức*. Báo cáo tóm tắt.
- UNFPA & Viện Nghiên cứu Chiến lược phát triển Việt Nam. (2016). *Tác động của biến đổi cơ cấu tuổi dân số đến nền kinh tế Việt Nam và đề xuất chính sách*.
- Vũ, L. (2020). Tỷ lệ di cư đô thị hóa và già hóa dân số đang tăng nhanh. *Báo điện tử Nhân dân*. Web: <https://nhandan.com.vn/>, truy cập từ 26/7/2022.
- World Bank. (2011). *Ước lượng tuổi thọ khi sinh*. Web: <https://data.vietnam.opendevlopmentmekong.net/>, truy cập từ 25/7/2022.

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA GIÀ HÓA DÂN SỐ ĐỐI VỚI KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Hồ Diệu Huyền

Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông

Email: huyendieuho0807@gmail.com

Nhận bài: 03/10/2022; Phân biện: 19/10/2022; Tác giả sửa: 25/10/2022; Duyệt đăng: 31/10/2022; Phát hành: 18/11/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/760>

Đồng bằng sông Hồng là một trong những khu vực có chỉ số già hóa dân số cao nhất cả nước (đứng thứ hai cả nước, theo số liệu Tổng điều tra dân số, 2019). Trong bài viết này, tác giả tập trung nghiên cứu thực trạng, cơ hội và thách thức của già hóa dân số tại khu vực đồng bằng sông Hồng. Nghiên cứu cũng dự báo rằng, già hóa dân số cũng sẽ trở thành vấn đề lớn nếu các tỉnh trong khu vực này không chuẩn bị trước một hệ thống an sinh xã hội thật tốt dành cho người cao tuổi trong tương lai.

Từ khóa: Già hóa dân số; Người cao tuổi; Đồng bằng sông Hồng.